

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 28/2024/HSST
Ngày: 20/03/2024**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÂM VƯƠNG MỸ LINH**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **NGUYỄN MINH CƯỜNG**

2/ Bà **NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **VÕ TÚ NGỌC** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **TRƯƠNG QUANG THU** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122A/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN LÊ V (tên gọi khác: **B**) - Sinh năm 1991 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: **1 L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông **Nguyễn Văn S** (đã mất) và bà **Lê Thị Ngọc T** (sinh năm: 1966); chưa có vợ con.

Tiền án:

- Bản án số 60/2009/HS-ST ngày 08/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 01 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 139 và khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã nộp án phí HSST và DSST năm 2016.

- Bản án số 17/2010/HS-ST ngày 24/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện Mdrak, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt tù còn lại của bản án số 60/2009/HSST ngày 08/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù là 3 năm 04 tháng 25 ngày; chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/11/2013, đã nộp án phí HSST năm 2015

- Bản án số 85/2015/HS-ST ngày 05/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 16/11/2014, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 6.450.000 đồng.

- Bản án số 89/2015/HS-PT ngày 17/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 16/4/2014, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 894.000 đồng.

Quyết định tổng hợp hình phạt số 06/2015/QĐ-CA ngày 4/9/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, Khánh Hòa tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2015/HSST ngày 05/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang và Bản án hình sự phúc thẩm số 89/2015/HSPT ngày 17/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; buộc bị cáo **Nguyễn Lê V1** phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2022.

Nhân thân:

Ngày 22/9/2006 bị **UBND thành phố N**, Khánh Hòa ra Quyết định số 4182/QĐ-UB đưa vào **Trường G** thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 25/9/2008.

- Bản án số 235/2023/HSST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

2. TRẦN CÔNG PHÚ - Sinh năm 1996 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: **Tổ F P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**

Nơi ở: 54 **đường B, khu đô thị V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.**

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông **Trần Công D** (đã mất) và bà **Nguyễn Thị H** (sinh năm: 1973); chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2020/HS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ ngày 29/3/2020 đến ngày 07/4/2020; tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 25.794.400 đồng; chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/11/2021, chưa nộp án phí HSST và DSST.

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2023/HS-ST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 25/6/2022, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 300.000 đồng.

- Bản án số 228/2023/HSST ngày 16/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; tổng hợp với hình phạt tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 126/2023/HS-ST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 2 năm 3 tháng tù. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 13/7/2022 và ngày 22/9/2022, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.000.000 đồng.

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà **Lee J** – Sinh năm: 1993 (Quốc tịch: Hàn Quốc)

Trú tại: Phòng 2425 Khách sạn V2, số D L, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người phiên dịch, dịch thuật:

Ông **Lê Công D1** – Sinh năm: 1948

Trú tại: G N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Thới D2** – Sinh năm: 1991

Trú tại: 6 L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Ông **In C** - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Phòng 2425 Khách sạn V2, số D L, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà **Kiều Thị Xuân Q** - Sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h30 ngày 11/8/2022, **Nguyễn Lê V1** điều khiển xe máy hiệu Exciter màu xanh, biển kiểm soát 79H1 -626.44 chở **Trần Công P** đi vòng quanh trên các tuyến đường trong thành phố N để tìm có ai sơ hở sẽ cướp giật tài sản. Khi đến đoạn hẻm S (hẻm thông từ đường T qua đường N) thì phát hiện chị **Lee J** (Quốc tịch: Hàn Quốc) đang đi bộ cùng chồng là **In C**, trên tay chị **Lee J** đang cầm 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng. Lúc này **V1** điều khiển xe áp sát chị **Lee J** để **P** ngồi sau dùng tay giật điện thoại rồi bỏ chạy. Sau khi giật được điện thoại Văn mang điện thoại đến tiệm B1, địa chỉ A N, P, N bán cho **Nguyễn Thới D2** được 2.100.000 đồng. Văn chia cho **P** 1.000.000 đồng. Số tiền bán điện thoại cả

hai tiêu xài hết. Ngay sau khi xảy ra sự việc, chị Lee J đến Công an phường T, TP N để tố giác tội phạm. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K, Nguyễn Lê V1, Trần Công P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 257/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận: Giá trị tài sản của 01 chiếc điện thoại di động hiệu IphoneX – 128GB là 4.900.000 đồng (BL số 49, 50).

Tang vật tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X- 128GB (BL số 199).

Bản Cáo trạng số 107/CT-VKSKH-P1 ngày 05/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Lê Văn về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Trần Công P về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với xe mô tô hiệu Exciter màu xanh, biển kiểm soát 79H1- 626.44, số máy G3D4E533930, số khung RLCUG0610HY511208 của Nguyễn Lê Văn hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N tạm giữ trong vụ án “*Cướp giật tài sản*” khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên nội dung của bản cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Văn m hình phạt từ 6 đến 8 năm tù giam; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Công P mức hình phạt từ 5 đến 7 năm tù giam. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị tách các yêu cầu bồi thường về dân sự của người bị hại để xét xử thành một vụ án khác và đề nghị tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại là vật chứng vụ án để hoàn trả lại cho chị Lee J.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Lê V1 và Trần Công P xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Công an tỉnh K, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tất cả người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm

chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Có cơ sở để xác định rằng, vào ngày 11/08/2022, **Nguyễn Lê V1** và **Trần Công P** đã có hành vi sử dụng xe mô tô phân khối lớn, tiếp cận và nhanh chóng, công khai chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X có giá trị 4.900.000 đồng của bà **Lee J**, sau đó nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, với tình tiết định khung hình phạt “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, ảnh hưởng đến hình ảnh của thành phố du lịch trong mắt du khách quốc tế.

Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo đều là người thực hành tích cực hành vi cướp giật tài sản của người bị hại và đều có vai trò như nhau trong vụ án. Bị cáo **Nguyễn Lê V1** có nhân thân rất xấu, từng nhiều lần bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích nhưng không tu chí làm ăn lương thiện mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Trần Công P** cũng đã bị kết án theo bản án số 206/2020/HSST ngày 06/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét quyết định mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, trong đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo **Nguyễn Lê Văn c** cao hơn bị cáo **Trần Công P** mới đảm bảo hiệu quả răn đe, giáo dục chung cho xã hội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, vật chứng là tài sản bị cướp giật đã được thu hồi nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại **Lee J** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông **Nguyễn Thới D2** vắng mặt, không rõ yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần tách ra để giải quyết thành vụ án khác nếu bà **Lee J** và ông **Nguyễn Thới D2** có đơn yêu cầu về vấn đề bồi thường dân sự.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 1 điện thoại di động hiệu Iphone X - 128GB là tài sản của bị hại bị chiếm đoạt nên cần hoàn trả lại cho bị hại theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo **Nguyễn Lê V1**, **Trần Công P** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Lê V1**, **Trần Công P** phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo **Nguyễn Lê V1**;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN LÊ V1** 5 (năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Tổng hợp với mức hình phạt 4 năm 6 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 235/2023/HSST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà; buộc bị cáo **Nguyễn Lê V1** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 9 (chín) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam trong vụ án trước (25/8/2022).

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo **Trần Công P**;

Xử phạt bị cáo **TRẦN CÔNG P** 4 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Tổng hợp với mức hình phạt 2 năm 3 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 228/2023/HSST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà; buộc bị cáo **Trần Công P** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 6 (sáu) năm 3 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam trong vụ án trước (07/12/2022).

Về trách nhiệm dân sự: Tách ra để giải quyết thành một vụ án khác nếu bị hại – bà **Lee J** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông **Nguyễn Thới D2** có đơn yêu cầu.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hoàn trả cho bị hại Lee Jiea một điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng (128GB).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh K** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Các bị cáo **Nguyễn Lê V1** và **Trần Công P** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH